TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2019/DS-PT
Ngày: 26/4/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương
Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2019/TLPT - DS ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2018/DS – ST ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 86/2019/QĐ – PT ngày 14 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1982 (Có mặt)
Địa chỉ: khu phố B, ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* Bà Lữ Thị N, sinh năm 1963 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.
- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*
1. Bà Lữ Thị H, sinh năm 1965
Hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.
Địa chỉ nơi cư trú: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.
2. Bà Lữ Thị H1, sinh năm: 1970
Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.
Bà H và bà H1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T trình bày:

Vào ngày 27/07/2015 ông T có cho bà Lữ Thị N vay số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng, có làm giấy mượn tiền có chữ ký và dấu lăn tay của bà N, mục đích vay để giải quyết việc cá nhân với mức lãi suất là 1%/tháng, thời gian trả là 4 tháng đầu mỗi tháng trả 10.000.000 đồng, 12 tháng sau mỗi tháng trả 30.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay bà N có trả được 10.000.000 đồng tiền gốc, số tiền còn lại bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ông T khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền gốc là 390.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 27/7/2015 đến 27/4/2017 là 20 tháng với số tiền 78.000.000 đồng. Tổng cộng là 468.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong giấy mượn tiền có viết tên của bà Lữ Thu H sau này mới biết tên thật Lữ Thị H nhưng bà H không mượn tiền nên ông T chỉ yêu cầu bà N trả toàn bộ số tiền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lữ Thị N trình bày:

Bà không thừa nhận việc vay tiền như ông T trình bày, bà cho rằng vào khoảng giữa năm 2015, thời gian cụ thể bà không nhớ chính xác có một nhóm người đàn ông ghé vào nhà bà tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre để yêu cầu ông Lữ Anh T1 (là em ruột của bà) trả nợ nhưng ông T1 đã bỏ trốn nên nhóm người đó buộc bà phải trả nợ thay cho ông T1. Do bà không đồng ý trả nợ thay ông T1 nên nhóm người đó đã sử dụng roi điện gí vào người bà, bắt bà phải ký giấy mượn nợ. Lúc đó có người em ruột của bà là Lữ Thị H thấy vậy sợ quá nên bỏ chạy ra ngoài, còn lại một mình bà bị nhóm người đàn ông trong đó có ông T bắt ép ký tên và lăn tay vào một tờ giấy ghi sẵn. Vì lo sợ cho tính mạng nên bà đã ký tên và lăn tay vào biên nhận vay tiền.

Sau đó bà có đến Công an xã T và Công an huyện C trình báo sự việc bị ép buộc nêu trên, công an lập biên bản ghi nhận lại sự việc. Ông T khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh thì bà không đồng ý vì bà cho rằng bà không biết ông T là ai và cũng không có vay tiền của ông T, còn đối với chữ ký và dấu lăn tay trong biên nợ nhận ngày 27/10/2015 mà ông T cung cấp cho Tòa án là do ông T đe dọa, ép buộc bà ký.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng có lời khai:

Bà Lữ Thị H1: Bà hiện đang sinh sống tại căn nhà thờ của cha mẹ bà ở ấp M, xã T, huyện C, căn nhà này trước đây để cho người em trai của bà là Lữ Anh T1 ở nhưng do anh T1 thiếu nợ đã bỏ đi đâu không rõ tin tức nên bà mới vào tiếp tục quản lý và ở trên căn nhà thờ này. Ngày 27/7/2015 ông T cùng một nhóm người kéo tới nhà bà, lúc đó bà và chị bà là Lữ Thị N, bà không biết ông T

là ai, ông T cho rằng ông T1 thiếu nợ ông nên đã đến để yêu cầu bà trả nợ thay cho ông T1 bà sợ quá nên đi vệ sinh và trốn chạy ra ngoài. Bà không biết giấy mượn tiền ngày 27/7/2015 ông T có ép bà N ký hay không vì lúc đó bà đã trốn ra ngoài. Trong lúc bà chạy trốn thì bà thấy ông T viết gì đó nhưng không biết có phải giấy mượn tiền hay không, tên giấy mượn tiền không phải trên của bà mà trong gia đình bà cũng không có ai tên đó, do ông T không nắm rõ nên đã tự viết và bà có một người chị tên Lữ Thị H đang sinh sống tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre chứ không phải Lữ Thu H1 đang sinh sống ở xã T như giấy mượn tiền đã nêu.

Bà Lữ Thị H: Giấy mượn tiền ngày 27/5/2015 của ông Nguyễn Quốc T có tên Lữ Thu H không phải bà, năm sinh cũng không đúng, trong gia đình không có ai tên Lữ Thu H, chỉ có người em tên Lữ Thị H1, Lữ Thị N là chị ruột, con việc bà N có nợ ông T hay không bà không biết nhưng trong gia đình hiện nay Lữ Anh T1 có thiếu nợ nhiều người sang tên đất trong gia đình để chuyển nhượng cho người khác. Hiện tại bà H1 có khởi kiện Lữ Anh T1 để yêu cầu trả lại phần đất ở xã T cho bà. Bà hoàn toàn không biết gì về vụ kiện của ông T với bà N nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đưa vụ án ra xét xử, bản án tuyên:

Áp dụng các Điều 463, 466, 466, 467 Bộ luật Dân sự; Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc T đối với bà Lữ Thị N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 06/11/2018, ông Nguyễn Quốc T kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo ông Nguyễn Quốc T trình bày: Ông không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Lữ Thị N trình bày: Bà không có vay tiền của ông T, bà ký giấy nhận nợ là do ông T ép buộc. Yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ. Ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận. Xét kháng cáo của ông T và đề nghị của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Quốc T khởi kiện yêu cầu bà Lữ Thị N có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vốn vay là 390.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 27/7/2015 đến ngày 27/4/2017 là 20 tháng với số tiền 78.000.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn khởi kiện là "Giấy mượn tiền" đề ngày 27/7/2015 có nội dung bà N mượn của ông T số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất là 01%/tháng, thời hạn trả là 16 tháng (04 tháng đầu mỗi tháng trả 10.000.000 đồng và 12 tháng còn lại mỗi tháng trả 30.000.000 đồng), bà N đã trả được 10.000.000 đồng. Bà N thừa nhận có ký tên và lăn tay vào giấy mượn tiền nêu trên nhưng do ông T dùng roi điện đe dọa, ép buộc bà lăn tay, ký tên, thực tế bà không có mượn tiền của ông T. Sự việc này bà có trình báo Công an xã T và Công an huyện C nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T.

[2] Mặc dù bà N thừa nhận có ký tên, lăn tay vào giấy mượn tiền nhưng theo các biên bản xác minh của Tòa án với Công an xã T ngày 31/10/2017, 04/10/2018 đều xác nhận sự việc ngày 27/7/2015 bà N, bà H có đến Công an xã trình báo việc ông T kéo nhiều người đến gây rối, đòi nợ tại cây xăng H (cha mẹ bà N) để tìm ông Lữ Anh T1 em bà đòi nợ. Công an xã có đến lập biên bản làm việc và xác định ông T1 hiện có nợ nhiều người, đã đi khỏi địa phương. Theo Biên bản xác minh ngày 10/7/2018 thì ông Hồ Hoàng S – Nguyên trưởng ấp T, xã T cho biết vào năm 2017 ông có nhìn thấy nhà của bà N bị dính sơn đỏ, ông có hỏi thì mới biết xã hội đen từ tỉnh T qua xịt sơn nhà bà N. Như vậy, chứng tỏ ông T đã có hành vi đe dọa, gây áp lực buộc bà N phải lăn tay, ký giấy mượn tiền như lời của bà N trình là có căn cứ.

[3] Mặc khác, theo giấy mượn tiền ngày 27/7/2015 đều do ông T ghi, bà N chỉ ký tên và lăn tay. Giấy mượn tiền chỉ thể hiện được bà N vay tiền nhưng không thể hiện được bà N nhận số tiền này. Nội dung giấy thể hiện bà N và bà Lữ Thu H mượn tiền nhưng chỉ có bà N ký tên lăn tay là không phù hợp. Trong khi phía nguyên đơn cho rằng có ý định cho bà H (em bà N), bà N cùng mượn tiền nhưng theo xác nhận của Công an xã T thì các chị em của bà N không ai có tên là Lữ Thu H, sinh năm 1968. Như vậy, chứng tỏ do nguyên đơn tự ghi các

thông tin người mượn tiền mà không được sự đồng ý của người mượn nên mới ghi không chính xác tên và năm sinh của người mượn. Ngoài ra, nguyên đơn còn cho rằng bà N đã trả cho ông T được 10.000.000 đồng và bà N có ghi "ngày 27/3/2016 có gửi tiền cho T". Tuy nhiên, bà N cũng không thừa nhận đã viết, ký tên và có trả số tiền này cho ông T. Tại kết luận giám định số 78/2018/QĐTL ngày 10/5/2018 của Phòng K Công an tỉnh Bến Tre đã kết luận không có đủ cơ sở để xác định chữ ký và chữ viết nêu trên có phải do cùng một người ký và viết ra hay không nên không có cơ sở để xác định bà N có trả cho ông T số tiền này. Còn số tiền 10.000.000 đồng không phải do bà N tự trả mà do cháu bà trả. Do đó, kháng cáo của ông T là không có căn cứ nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quốc T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2018/DS-ST ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc T đối với bà Lữ Thị N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc T phải chịu là 22.720.000đ (Hai mươi hai triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.280.000 đồng theo biên lai thu số 0010130 ngày 30/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Ông T còn phải nộp số tiền 11.440.000đ (Mười một triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng)

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Quốc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0020519 ngày 07/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Ngọc Dũng